

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Thời gian: năm 2001

Tập 65

Chúng ta xem câu sau cùng trong ngũ căn trang nghiêm: “*Đoạn chư phiền não*”. Đây là Huệ căn.

Huệ căn, theo chú giải ở trong “Giáo Thừa Pháp Số” là “*dĩ quán tự chiếu, quyết trạch phân minh*”. Câu nói này chú trọng ở “quán”. Cương lĩnh tu hành của nhà Phật có danh từ gọi là “quán chiếu, tác quán”. Chữ này là chữ đại biểu. Không chỉ là nhãn quán, tai nghe cũng gọi là quán, mũi ngửi hương cũng gọi là quán, sáu căn tiếp xúc với sáu trần đều gọi là quán, dùng một chữ này để đại biểu.

Thế nào mới gọi là quán? “Lìa tâm ý thức” thì gọi là quán. Tuy Tông môn, Giáo Hạ nói pháp không như nhau, nhưng ý nghĩa của nó đều giống nhau. Cho nên, Phật pháp không nói “nghiên cứu” (vì nghiên cứu là chưa lìa khỏi tâm ý thức), mà nhà Phật gọi là “tham cứu” (tham cứu chính là không dùng tâm ý thức). Lời nói này chúng ta nghe qua vẫn không dễ hiểu. Vì sao vậy? Tâm ý thức là hư vọng, không phải chân thật. Dùng tâm ý thức hư vọng thì quyết định không thể nào thấy được chân thật, chúng ta thường nói “chân tướng vũ trụ nhân sanh”. “Vọng” không thể nào chứng được “chân”, chỉ có “chân” mới có thể chứng “chân”. “Chân” là cái gì? “Chân” là chân tánh. Quán là tự tánh khởi dụng, nghiên cứu là ý thức khởi dụng, trên hình thức dường như là giống nhau, nhưng trên thực tế khác nhau rất lớn. Người học Phật vì sao có thể tu hành chứng quả, còn người thế gian vì sao không làm được? Tóm lại mà nói, chính là bạn dụng tâm sai, bạn dùng vọng tâm, bạn không biết dùng chân tâm. Dùng chân tâm mới có thể thấy được chân tướng. Trong chân tâm không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Các vị phải nên biết, tâm tập khởi chính là vọng tưởng. Vọng tưởng biến thành chủng tử của A Lại Da thức. Ý thức là phân biệt, Mạt Na là chấp trước. Không dùng tâm ý thức, hay nói cách khác, ngay trong cuộc sống thường ngày không có vọng tưởng chính là không dùng A Lại Da, không có phân biệt chính là không dùng thức thứ sáu, không có chấp trước chính là không dùng thức thứ bảy. Đại sư Giao Quang trong “Lãng Nghiêm Chánh Mạch” chủ trương “xả thức, dùng căn”, đạo lý chính ngay chỗ này, chính là nói xả tám thức, dùng căn tánh của sáu căn. Căn tánh sáu căn là chân tâm, căn tánh không có phân biệt. Cho nên Ngài dạy chúng ta dùng tánh thấy để thấy tất cả vạn pháp, dùng tánh nghe để nghe tất cả âm thanh, bạn liền thấy được chân tướng. Nếu bạn biết dùng căn tánh của sáu căn, thì bạn liền thành Phật, chư Phật Như Lai. Chúng ta đem trình độ hạ thấp xuống đến mức thấp nhất, viên sơ trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, họ không còn dùng tám thức, năm mươi một tâm sở nữa. Các vị phải nên biết, chúng sanh trong mười pháp giới (bao gồm Phật ở trong mười pháp giới) đều dùng tâm ý thức, đều không lìa khỏi tám thức. Lìa khỏi tám thức liền đến được pháp giới nhất chân. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, “thế giới Hoa Tạng” hoàn toàn không dùng tâm ý thức (thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng là thế giới Hoa Tạng). Chúng ta biết được đạo lý này, nhưng không thể chuyển lại được. Tại vì sao không chuyển đổi được? Vì vô lượng kiếp đến nay, chúng ta dùng tâm ý thức đã quen rồi, học Phật vẫn là dùng tâm ý thức mà học. Cho nên, học Phật không khai ngộ, học giáo không thể đại khai viên giải, tham thiền không thể đại triệt đại ngộ, niệm Phật không thể nhất tâm bất loạn, nguyên nhân là dùng tâm ý thức, không hiểu được tác quán.

Thiền tông tu hành có ba giai đoạn. Công phu ban đầu là “quán chiếu”, tương đương với “công phu thành khối” của Tịnh Độ tông chúng ta. Đạt đến trình độ này, ở Thiền tông hay ở Giáo hạ đều không thể xem là thành tựu. Vì sao vậy? Không thể liễu sanh tử, không thể ra ba cõi, công phu này tuy đắc lực, nhưng không có năng lực siêu vượt ba cõi. Thế nhưng ở Tịnh Độ tông thì được, Tịnh Độ tông có công phu này thì khẳng định vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cho nên Tịnh Độ không thể nghĩ bàn. Sự thù thắng của Tịnh Độ chính ngay ở chỗ này. Bạn dựa vào các pháp môn khác thì không được, bạn không cách gì thoát khỏi sáu cõi luân hồi. Tịnh Độ chỉ cần điểm công phu nhỏ này thì đủ rồi.

Hướng nâng lên trên cao là “chiếu trụ”. Đạt đến công phu “chiếu trụ” là được định. Công phu cao nhất là “chiếu kiến”. Chiếu kiến là minh tâm kiến tánh. Chúng ta đọc “Tâm Kinh”: “Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến”, đây là công phu tối thượng thừa, là minh tâm kiến tánh. Cho nên, tu các pháp môn khác nhất định phải đạt đến “chiếu kiến” thì bạn mới có thể rời khỏi mười pháp giới, mới có thể chứng được pháp giới nhất chân. Chứng được pháp giới nhất chân chính là bạn đã chứng được thật tướng các pháp. Bạn công phu không đến “chiếu kiến” thì không được. Thế nhưng ở Tịnh Độ tông đích thực không như vậy, cho nên đây là một pháp môn đặc biệt, có công phu của “quán chiếu” liền có thể sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư, công phu “chiếu trụ” thì sanh cõi Phương Tiện Hữu

Dur, công phu “chiếu kiến” thì sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm, họ thấy đều vãng sanh. Bốn độ của thế giới Cực Lạc là thành tựu như vậy. Thế nhưng lại có một đặc biệt mà trong mười phương cõi nước chư Phật không có, đó là thế giới Tây Phương tuy có bốn cõi, nhưng bốn cõi đều bình đẳng. Việc này không thể nghĩ bàn, đây là được chư Phật tán thán.

Thế gian này của chúng ta, bốn cõi không bình đẳng. Pháp Thân Đại Sĩ, chúng ta không thấy được họ; A La Hán, chúng ta cũng không thấy được họ. Công phu của A La Hán là tầng thứ hai - “chiếu trụ”, Pháp Thân Đại Sĩ là tầng thứ ba - “chiếu kiến”. Đến công phu thành khối, ở trong pháp môn thông thường mà nói, là cảnh giới Tu Đà Hoàn Tiểu Thừa. Đây là vừa mới vào cửa, chúng ta đều không cách gì làm được. Tu Đà Hoàn Tiểu Thừa buông xả chấp trước rồi, không chấp trước cái thân này là ta, không còn chấp trước tự tư tự lợi, ngay đến thân còn không chấp trước, huống hồ là vật ngoài thân. Đường chủ niệm Phật đường thường hay có câu: **“Khẩu đầu thiền trên miệng, thân tâm thế giới tất cả buông xả”**. Buông xả tất cả thân tâm thế giới, công phu mới thành khối. Nếu còn có một việc không thể buông xuống, thì công phu của bạn liền không thể thành khối, hay nói cách khác, bạn không thể nắm được phần vãng sanh. Bạn thật được công phu thành khối, bạn đích thực là nắm được phần vãng sanh. Đây là trí tuệ, có thể đoạn phiền não. Chấp trước là phiền não (gọi là kiến tư phiền não), phân biệt là phiền não (gọi là trần sa phiền não), vọng tưởng là phiền não (gọi là vô minh phiền não). Công phu thành khối là phá được tầng thứ nhất, đây là “quán chiếu”; đến “chiếu trụ” thì phá được tầng thứ hai; “chiếu kiến” thì phá được tầng thứ ba. Nhà Phật thường nói “quán”, các vị phải ghi nhớ, “quán” là không dùng tâm ý thức, cũng chính là không dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Sau cùng là nói đến “chỉ quán”, ý nghĩa này phải hướng vào chỗ sâu mà giảng. “Chỉ” là định, “quán” là huệ. Do đây có thể biết, nếu không đoạn phiền não thì không phải là thánh nhân. Nói đến “thánh nhân”, khái niệm của chúng ta lại rất mơ hồ, vẫn không rõ ràng. Nếu đổi cách khác mà nói, phiền não nếu không đoạn thì bạn không phải là một người sáng suốt. Các vị phải nên biết, ý nghĩa của chữ “thánh” này chính là tường tận, chân thật hiểu rõ, không có chút nghi hoặc, trong Phật pháp gọi là “người giác ngộ”, chính là Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây đều gọi là thánh nhân. Chánh Giác là tiểu thánh, Chánh Đẳng Chánh Giác là đại thánh. Cách nói này mọi người dễ hiểu. Chúng sanh đang mê, mê mà không giác; chư Phật Bồ Tát giác, giác mà không mê. Tại vì sao các Ngài giác? Các Ngài dùng “quán”, không dùng “tưởng”. Chúng ta thì việc gì “bạn tưởng tượng” thì dùng tư, dùng tưởng. Tư tưởng thì sai lầm, tư tưởng là hư vọng. Người Trung Quốc tạo chữ rất có trí tuệ. Thánh nhân thì dùng một tâm, đó là chân tâm. Phạm phu chúng ta không biết dùng tâm này, mà dùng tư tưởng. “Tư” là cái gì? Là phân biệt, chấp trước. Bạn xem thấy chữ “Tư”, trong tâm khởi lên giới hạn (chữ “Điền” là giới hạn), tâm vốn dĩ là rộng lớn vô biên, hiện tại vẽ thành rất nhiều ô cắt, vậy thì hỏng rồi, không phải là chân tâm. Trong chân tâm không có tướng. “Tưởng” liền khởi lên cái tướng, liền có hiện tướng, tướng đó là huyền tướng. Cho nên thánh nhân không dùng tư tưởng, họ không có tư tưởng. Đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: “Phân biệt cũng không phải ý”. Bạn nói Ngài có phân biệt, có chấp trước hay không? Ngài có chấp trước. Thế nhưng phân biệt của Ngài, chấp trước của Ngài không phải tư, cũng không phải tưởng, chính là ý này.

Chân tâm tại vì sao có thể có tư tưởng? Bạn có tư, có tưởng, nếu tôi không dùng tư để đối với tư của bạn, không dùng tưởng để đối với tưởng của bạn, thì bạn làm sao hiểu được ý của tôi? Phạm phu dùng tâm giống như máy chụp hình vậy, chụp một tấm thì phim gốc lưu lại một cái hình. Thánh nhân dụng tâm giống như một tấm gương vậy, nó chiếu được rõ ràng tường tận, nhưng không để lại dấu tích nào. Khi bạn chiếu, người đi nó cũng không lưu lại dấu tích, thì ngay lúc khi chiếu nó lại hà tất lưu lại dấu tích? Đây gọi là “phân biệt cũng không phải ý”. Người ta cao là cao ngay chỗ này. Các Ngài thị hiện trên thế gian này cùng hòa chung với người thế gian, trên thực tế không hề tiếm nhiệm chút nào. Đây là bản lĩnh của các Ngài. Thuật ngữ của nhà Phật gọi là “bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến”. Hai câu nói này mọi người nghe rất quen tai.

Năm xưa tôi giảng kinh, đem hai câu nói này mở rộng làm thành bốn câu.

“Bất biến tùy duyên” đây là Phật. Phật ở chỗ này là nghĩa rộng, Pháp Thân Bồ Tát chính là Phật, trong tông môn thường nói “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, cho nên viên giáo sơ trụ Bồ Tát cũng gọi là Phật.

Trên kinh Lăng Nghiêm nói “chư Phật Như Lai”, bạn xem chú giải trong “Giảng Nghĩa” của cư sĩ Giang Vị Nông, trên kinh nói “chư Phật” chính là từ Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát đến quả vị cứu cánh, bốn mươi hai vị thứ này gọi là chư Phật. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, bốn mươi vị thứ này thêm vào Đẳng Giác và Diệu Giác (Diệu Giác chính là Phật quả cứu cánh), đây gọi là chư Phật. Các Ngài không dùng tâm ý thức. Nếu còn dùng tâm ý thức thì dùng được rất chánh, không dùng tà, không hề dùng sai, đây gọi là “tương tự vị”. Là những người nào vậy? Pháp giới bốn thánh trong mười pháp giới: A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật (Phật trong mười pháp giới chưa kiến tánh). Thiên Thai tông, trong bốn giáo đã nói thì “Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật” chưa kiến tánh, là Phật trong mười pháp giới. Biệt Giáo Phật là pháp giới nhất chân. Trong bốn giáo đã nói, “Biệt Giáo Sơ Trụ” tương đương với “Viên Giáo Sơ Trụ”. Do đây có thể biết, Phật quả của Biệt Giáo là

Bồ Tát Viên Giác nhị hạnh vị (ở đoạn chứng tương đương với Bồ Tát nhị hạnh vị). Những sự lý này chúng ta đều phải rõ ràng. Sau đó chính mình bình lặng mà xét nghĩ, chúng ta ngay trong một đời có thể làm được hay không? Căn tánh của các vị đồng tu tôi không biết, còn tôi thì làm không được. Không cần nói phẩm vị cao, ngay đến quả Tu Đà Hoàn, chúng ta đều không cách gì làm được, đều không dễ dàng.

Ngày nay chúng ta nói công phu thành khối có thể vãng sanh. Công phu thành khối đến trình độ nào? Mỗi một vị thứ đều có ba bậc, chín phẩm, chúng ta đạt đến công phu thành khối trong hạ hạ phẩm đều có thể vãng sanh. Chính bởi đạo lý như vậy, cho nên mười phương tất cả chư Phật, không vị nào không tán thán A Di Đà Phật. Các Ngài chân thật là phổ độ tất cả chúng sanh.

Công phu thành khối hạ hạ phẩm vãng sanh, thành thật mà nói, phiền não một phẩm đều chưa đoạn, nhưng khắc phục được, dùng câu Phật hiệu này hoàn toàn khống chế được phiền não. Cho nên niệm Phật phải biết niệm, trong tâm ý niệm vừa khởi lên, cho dù nó là niệm thiện hay niệm ác, lập tức liền dùng câu “A Di Đà Phật” đè xuống. Ngay trong hai đến sáu thời, quyết định không cho phép ý niệm của chính mình khởi lên. Ý niệm thứ nhất chắc chắn sẽ khởi lên, thì ý niệm thứ hai phải là “A Di Đà Phật”, liền đem nó đè xuống. Bạn làm công phu này, bạn nhất định được chỗ tốt. Vị đồ đệ làm nghề vá nồi của lão hòa thượng Đế Nhân niệm Phật được ba năm thì thành tựu, phương pháp không gì khác hơn, ông biết dùng công phu này, quyết định không cho phép trong tâm có một tạp niệm. Một ngày từ sớm đến tối, ông chỉ chuyên tưởng có một câu A Di Đà Phật, ông đã thành công. Bạn thấy, ông ấy vãng sanh tự tại như vậy, biết trước giờ ra đi, đứng mà vãng sanh. Lão Hòa Thượng tán thán nói, pháp sư giảng kinh thông thường, Phương Trượng danh sơn bảo sát đều không thể bằng ông. Lời nói này là thật, không phải giả. Làm sao ông được tự tại như vậy? Chính là trong tâm ông không có một tạp niệm nào, câu Phật hiệu này khởi lên tác dụng. Chúng ta phải hiểu được đạo lý này.

Bạn xem, hiện tại thế gian này rất nhiều người tu Mật, thượng sư dạy họ quán tưởng, nghiêm khắc đốc thúc họ, họ quán tưởng thành công. Mấy ngày trước, tôi gặp được một vị cư sĩ, ông nói với tôi, có một thượng sư Mật tông dạy họ quán tưởng, họ quán tưởng đại khái có bốn hay năm tháng rồi. Hiện tại họ nói trên đầu của họ có cái gì đó rất nóng, nóng hâm hâm. Ngày ngày quán, quán đã thành công, “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Tôi ở Hồng Kông gặp được một vị tín đồ, ông tu pháp luân công, cũng rất nỗ lực mà quán tưởng. Hiện tại trong bụng của ông có một cái pháp luân, vậy thì rất phiền phức. Ông rất đau khổ hỏi tôi: “Thưa pháp sư! Có phương pháp gì để lấy nó ra không?”. Tôi nói: “Có! Đối phương pháp quán, đó là quán Phật, bạn có thể tập trung tâm lực mà quán Phật, không nên để ý đến cái pháp luân đó. Bạn trải qua nửa năm, Phật hiện tiền rồi thì cái pháp luân đó sẽ không còn”. “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, trong tâm bạn cứ nghĩ đến cái đó, vậy thì nó có. Nếu bạn quên mất nó đi, thì nó sẽ không còn. Nó là hư vọng, không phải là chân thật có, bạn phải biết đạo lý này. Thân thể người rất khỏe mạnh, ngày ngày hoài nghi “ta đau chỗ này, ta đang có bệnh”, trải qua mấy ngày thì thật có bệnh. Vì sao vậy? Do nghĩ mà ra, “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Tại sao bạn không nghĩ đến khỏe mạnh, mà lại nghĩ bị bệnh? Tại sao ngày ngày bạn không nghĩ an vui, mà nghĩ phiền não?

Ý niệm là chủ thể, ý niệm thể xuất thế gian đều là chủ thể. Xuất thế gian đến pháp Đại Thừa là không có ý niệm. Có niệm mới có thiện ác, không có niệm thì làm gì có thiện ác? Có niệm thì có tà chánh, có chân vọng; không có niệm thì không có tà chánh, cũng không có chân vọng, vậy mới đến thuần chân không vọng. Pháp Thân Đại Sĩ vào cảnh giới này. Trong mười pháp giới có tà chánh, có chân vọng, có thiện ác. Trong pháp giới nhất chân không có, như vậy mới có thể chân thật đoạn phiền não. Cho nên, nếu như “huệ” không có gốc, thì bạn không thể đoạn được phiền não. Huệ phải có căn, có căn còn phải hướng nâng lên trên cao, là phải có lực.

Đoạn phía sau nói đến “Ngũ lực”. **“Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả”**. Ngũ căn nói được tường tận một chút, còn ngũ lực thì tương đối đơn giản, một câu nói chung chung thì cho qua.

Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, chúng ta giảng xong phần đem mười thiện thực tiễn ở ngũ căn. Đặc biệt ở vào thời đại hiện nay, chúng ta học tập có cảm xúc rất sâu, thể xuất thế gian pháp nếu như không có căn thì chắc chắn không thể nào thành tựu. Thực vật không có gốc thì không thể sinh trưởng. Chúng ta người tu hành không có gốc, thì làm sao có thể thành tựu đạo nghiệp? Chúng ta tỉ mỉ quán sát thế giới hiện tiền này (cũng chính là nói địa cầu này), không luận là phương Đông, phương Tây, trong nước, ngoài nước, chúng ta bình lặng quán sát, tư duy, hiện tại lòng người không có gốc, cho nên xã hội động loạn, tai họa triền miên, lòng người không có chỗ quay về, không có nơi nương tựa, có thể nói là lòng người hoang mang. Không luận từ nơi một nghề nghiệp nào, trải qua đời sống như thế nào, ở địa vị ra làm sao, đều không có cảm giác an toàn. Thế xuất thế gian pháp đều như vậy. Điều này rất đáng lo lắng. Chúng ta sanh vào thời đại động loạn, bất an, làm thế nào cầu được tâm an của chính mình, đây là điều quan trọng nhất.

Làm sao tâm có thể an? Ngạn ngữ nói rất hay: “Tâm an, lý đắc”, đạo lý có được rồi thì tâm của bạn liền an. Không luận xã hội động loạn thế nào, tâm của bạn không động, mọi người bất an, bạn vẫn an ổn. Vì sao vậy? Vì

bạn rõ lý, thuật ngữ ở trong Phật pháp gọi là “bạn đắc đạo rồi”. Đạo chính là lý, lý chính là đạo. Bạn đắc đạo rồi, tâm bạn mới an. Đạo lý này là gì vậy? Đơn giản mà nói, đó chính là “chân tướng của vũ trụ nhân sinh”. Trong kinh Bát Nhã nói: “Chư pháp thật tướng”, chỉ cần bạn thấy được rõ ràng, thấy được tướng tận thật tướng các pháp, thì tâm của bạn liền an, không luận ở nơi nào, bạn luôn an định. Tâm an định thì sanh trí tuệ. Chỉ có trí tuệ mới có thể giải quyết vấn đề. Cho nên ở nhà Phật, hộ pháp Thiên Vương, ý nghĩa biểu pháp của Tây phương Thiên Vương (Tây phương là Quảng Mục Thiên Vương) trên tay trái là con rồng, hoặc là rắn (rồng, rắn là đại biểu của sự biến hóa); tay phải cầm hạt châu (châu chính là “lý”, là “đạo”), họ đã nắm giữ được rồi. Ở ngay trong xao động, phải giữ được như như bất động thì chính mình có thể làm được chủ tể. Thiên vương dạy chúng ta học tập.

Làm thế nào chúng ta có thể thấy được lý, thấy được chân tướng sự thật? Thực tế mà nói, chân tướng sự thật là chúng ta vốn dĩ tường tận, Phật pháp gọi là “minh tâm”. Vốn dĩ tường tận, nhưng hiện tại vì sao không tường tận? Không minh thì gọi là “vô minh”. Phật có cách nói như vậy, Nho cũng có cách nói như vậy. Nhà Nho nói: “Minh minh đức”. Chúng ta vốn dĩ là “minh đức”, minh đức hiện tại phía trước còn thêm vào một chữ “minh” chính là nói bạn vốn có minh đức, nhưng hiện tại thì không minh rồi, cần phải hồi phục lại minh đức của bạn, nên gọi là “minh minh đức”. Do đây có thể biết, đạo của Nho và Phật là một, không phải là hai. Trong các tôn giáo khác cũng có nói đến, nhưng không nói được rõ ràng, không nói được tường tận đến như vậy, ý nghĩa đều có, nhưng chúng ta phải có thể thấy ra được. Ngày nay chúng ta dụng công phu, chân thật mà nói, phải đạt đến lia khổ được vui, phá mê khai ngộ thì chúng ta mới xem là có thành tựu. Nếu như không đến được cảnh giới này thì không xem là thành tựu.

Muốn liễu sanh tử ra khỏi ba cõi, chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, ngoài pháp môn này ra, không có con đường thứ hai có thể đi. Thế nhưng, người niệm Phật một đời thành tựu, quyết không phải ngẫu nhiên. Trên kinh giảng được rất rõ ràng, không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh nước kia. Do đây có thể biết, những người mà ngay trong đời này, cái gì họ cũng không hiểu, mơ mơ hồ hồ, nhưng họ niệm Phật có thể vãng sanh, đây là do trong quá khứ, nhiều đời nhiều kiếp đã tích lũy thiện căn phước đức nhân duyên rất nhiều, nên họ mới có thể thành tựu. Người có thiện căn phước đức nhân duyên ít, khi gặp được pháp môn này, họ sẽ không tin tưởng, họ hoài nghi, không thể tiếp nhận. Cho nên chúng ta biết được, người tiếp nhận pháp môn này, hoan hỷ với pháp môn này là người rất cừ khôi, không phải người thông thường. Lời nói này không phải chúng ta nói, là Phật nói ở trên kinh. Cho nên đời này gặp được Tịnh Độ, niệm Phật vãng sanh không phải là ngẫu nhiên. Người mà gặp được, thấy được, nghe được pháp môn này, nhưng không tin tưởng, thậm chí hủy báng, bài xích, trong tâm của chúng ta rất rõ ràng, đó là do thiện căn phước đức nhân duyên của họ không đủ. Do đó họ vẫn phải tu rất nhiều kiếp nữa.

Trên kinh Vô Lượng Thọ, Phật nói: “Vương Tử A Xà và năm trăm vị đại trưởng giả, trong đời quá khứ họ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật”, thiện căn phước đức nhân duyên này tương đối sâu, thế nhưng vẫn chưa đủ điều kiện vãng sanh Tịnh Độ. Nghe Phật nói kinh Vô Lượng Thọ, họ sanh tâm hoan hỷ, không bài trừ, nhưng không chịu phát nguyện cầu vãng sanh, chỉ hy vọng tương lai ta thành Phật cũng có thể giống như A Di Đà Phật vậy. Sau đó bạn mới biết được, trong đời quá khứ họ đã cúng dường bốn trăm ức Phật, thế nhưng thiện căn phước đức nhân duyên vẫn chưa chín muồi. Người dưới quê không biết chữ, xem như ngu phu ngu phụ, nghe được pháp môn này thì sanh tâm hoan hỷ, lập tức liền muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thế mới biết thiện căn phước đức nhân duyên của họ siêu vượt A Xà vương tử. Chúng ta liền biết, trong đời quá khứ họ đã cúng dường siêu vượt bốn trăm ức Phật, nên duyên này của họ mới có thể chín muồi. Thế xuất thế gian làm gì có việc ngẫu nhiên? Chúng ta ngay đời này gặp được rồi, phải biết trân trọng.

Vấn đề bốn hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, trên hội Lăng Nghiêm nói được rất hay: “Thời đại này, tà sư nói pháp như cát sông hằng”, đương nhiên phải bị họ bài trừ, đương nhiên phải bị họ hủy báng, nếu như không phải như vậy thì đây là thiện pháp thời đại Phật pháp hưng vượng nhất, không phải suy vi như thế này. Cho nên chúng ta thấy đó là hiện tượng bình thường, không kỳ lạ chút nào. Chỉ cần chủng tử của chúng ta không mất, nhất định có thể mở mang rộng lớn. Vì sao vậy? Chánh pháp, pháp thuần chánh. Có một số người nói, đây là do cư sĩ hội tập. Quan niệm này là sai rồi. Đây chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, có hai vị Phật trụ thế, một vị thị hiện xuất gia, một vị thị hiện tại gia. Cư sĩ Duy Ma là Phật tại gia, việc này chúng ta đều xem thấy ở trên kinh. Các vị đọc kinh Duy Ma, trong kinh nói, cư sĩ Duy Ma thị hiện bị bệnh, Thích Ca Mâu Ni Phật phái đệ tử của Ngài đến thăm hỏi Ngài. Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất đều là người xuất gia, đều là đại đệ tử, nhìn thấy cư sĩ Duy Ma thì đánh lễ ba lạy, đi nhiễu ba vòng. Đây là trên kinh có ghi chép. Năm xưa, những đại đệ tử xuất gia này đối với cư sĩ Duy Ma cũng xem giống như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy, quyết định không có phân biệt, họ nghe Ngài giảng kinh, nghe Ngài giáo huấn. Còn chúng ta thì xuất gia, tại gia, cái giới hạn này phân được rõ ràng như vậy, chấp trước nặng đến như vậy, bạn không thể ra khỏi ba cõi. Trên tất cả kinh luận, Phật nói, không còn chấp trước thì siêu vượt sáu cõi luân hồi, nếu không còn

phân biệt thì siêu vượt mười pháp giới. Bạn còn có phân biệt, có chấp trước nghiêm trọng như vậy, bạn không thể ra khỏi luân hồi, tu được tốt hơn cũng không thể ra khỏi luân hồi. Bạn tu được rất tốt cũng chẳng qua là phước báo hữu lậu trong tam giới mà thôi. Chúng ta học Phật đã lâu như vậy, một chút đạo lý nông cạn này phải hiểu.

Tâm của chúng ta tại vì sao không an? Chính là bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nặng. Nếu như bạn có thể đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông xả thì tâm liền an. Tâm an thì lý liền đặc, đạo lý chính là như vậy. Cho nên giải quyết vấn đề an nguy của cả thế giới ngày nay, then chốt chính ở giáo dục. Chúng ta trong lúc giảng giải thường hay nhắc đến, chính trị không thể giải quyết, vũ lực không thể giải quyết, kinh tế cũng không thể giải quyết, khoa học cũng vẫn không thể giải quyết. Vậy cái gì có thể giải quyết? Nền giáo dục của thánh hiền.

Người xưa thường nói: “Không nghe lời người xưa, chịu thiệt ở ngay trước mắt”. Những ai là người xưa? Cổ thánh tiên hiền là người xưa, Khổng Lão Phu Tử là người xưa, Thích Ca Mâu Ni Phật là người xưa. Bạn không nghe theo lời dạy của người xưa, thì bạn chịu thiệt thòi lớn ở ngay trước mắt. Điều này thật vô cùng có đạo lý. Ngay trong cư sĩ, có không ít người là chư Phật Như Lai hóa thân, phàm phu mắt thịt chúng ta không thấy được. Nói lời thành thật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng kinh 49 năm, Thế Tôn Ngài cũng đã hội tập. Đại sư Thanh Lương ở trong kinh Hoa Nghiêm 40 (Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa) đã nói như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời không hề nói qua một câu Phật pháp, những gì Ngài nói ra là những gì mà quá khứ cổ Phật đã nói. Cũng giống như Khổng Lão Phu Tử, “thuật nhi bất tác”, không có ý của riêng mình. Phật xưa đã nói như vậy. Hay nói cách khác, Ngài nói ra là hội tập lại lời của cổ Phật đã nói, Khổng Lão Phu Tử đã nói là hội tập lời của cổ thánh tiên hiền đã nói, không hề có xen tạp chút ý riêng của mình trong đó. Cho nên, Thế Tôn dạy bảo người đời sau, sau khi Ngài diệt độ, chúng ta phải theo “Tứ y pháp”, điều này vô cùng quan trọng.

Tứ y pháp này có thể giúp người sau đoạn nghi sanh tín. Thứ nhất, “y pháp bất y nhân” (pháp là kinh điển). Thứ hai, “y nghĩa bất y ngữ”, câu này là quan trọng. “Y nghĩa bất y ngữ” chính là ý nghĩa đúng thì được rồi, ngôn ngữ nói dài nói ngắn không hề gì, nói sâu nói cạn cũng không hề gì. Phật không yêu cầu mỗi câu mỗi chữ phải giống như Ngài nói vậy, chỉ cần ý nghĩa đúng thì được. Hội tập chỉ cần ý nghĩa đúng thì được. Hội tập không phải bắt đầu từ Ngài Hạ Liên Cư, mà bắt đầu từ cư sĩ Vương Long Thư thời triều Tống. Ông hội tập kinh Vô Lượng Thọ lần thứ nhất. Quyển này được lưu vào trong “Long Tạng”. Nếu bạn nói ông ấy không nên hội tập, hội tập là sai lầm, thì làm sao những bản hội tập có thể được để vào trong “Đại Tạng kinh”? Phạm là chủ số của bốn chúng đệ tử nhà Phật có thể được để vào trong “Đại Tạng kinh” đều là được một số cao tăng đại đức đương thời khẳng định, thừa nhận là “bản này không sai”. Lúc đó dâng lên hoàng đế, hoàng đế phê chuẩn mới có thể để vào Tạng. Vào Tạng là đại biểu khẳng định. Đây chính là nói, hội tập là có thể làm. Nếu như nói hội tập là không thể, thì những bản hội tập nhất định phải đem nó bỏ đi, vậy cũng là việc tốt. Vì sao vậy? Bồn thời khóa sớm tối của nhà Phật chúng ta cũng là hội tập, các vị nghĩ xem có đúng không? Hiện tại sám nghi trong rất nhiều đạo tràng là hội tập, “Thủy Lục Sám Nghi” là hội tập, “Lương Hoàng Sám” cũng là hội tập, vậy thì những thứ đó thầy đều không cần, cũng rất tốt. Hòa thượng không có việc gì làm, cố gắng niệm Phật, ngồi thiền, tĩnh tọa. Tốt! Tất cả thị phi đều không có. Tất cả đều là hội tập, cho nên bạn làm sao có thể đem bốn hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư phế bỏ, bài trừ? Người ta liên đới nghĩ, tương lai tất cả sám nghi thầy đều phải bị phế bỏ hết. Vì sao vậy? Vì tất cả đều là hội tập.

Hiện tại, Tịnh Tông chúng ta đề xướng pháp hội rất ít, mỗi năm chỉ có Tế Tổ, Trung Nguyên, Đông Chí. Vào ngày sau cùng đã Phật thất tế tổ, chúng ta mở một Tam Thời Hệ Niệm. Tam Thời Hệ Niệm cũng là bốn hội tập, do Thiền Sư Trung Phong hội tập.

Cho nên lỗi lầm này rất nhiều, bạn tỉ mỉ mà nghĩ tưởng, không phải là vấn đề đơn thuần. Nếu như nói tất cả bốn hội tập nhất định phải đem trừ bỏ, thì trong Phật môn Trung Quốc, hết thầy am đường tự viện không có việc gì làm. Thật đấy! Đạo tràng thanh tịnh! Ngay đến thời khóa sớm tối cũng không có, vì bồn thời khóa sớm tối đều là hội tập. Cho nên lời nói của chúng ta không thể không cảnh trọng, không thể không suy xét nhiều.

Hội tập là việc có thể làm, nhưng tiêu chuẩn của hội tập là có thể tin thủ nguyên bản dịch hay không. Ngài Hạ Liên Cư đã hội tập, đích thực là giữ lại nguyên bản dịch trong bốn kinh. Vậy thì chính xác. Trong “A Di Đà Kinh Sớ Sao” của đại sư Liên Trì, Ngài dẫn dụng kinh văn, hơn phân nửa là chọn lấy bốn hội tập kinh Vô Lượng Thọ của Vương Long Thư. Do đây có thể biết, đại sư Liên Trì rất là quen thuộc đối với quyển này, dẫn kinh cứ điển, hơn phân nửa là chọn lấy nó. Cư sĩ Vương Long Thư vắng sanh là đứng mà ra đi. Hội tập lần thứ hai là cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, triều Thanh (ông là người khoảng năm Hàm Phong). Đại sư Ân Quang phê bình hai quyển này, không nói là không thể hội tập, mà là hội tập được không tốt. Chỗ phản đối nhất là ông đem chữ của nguyên bản dịch thay đổi. Việc làm này rất không tốt. Họ sửa thì không vấn đề, sửa được đích thực tốt hơn so với nguyên bản dịch, thế nhưng việc này không thể khai mở. Nếu việc này khai mở thì tương lai người thông thường xem thấy, họ đều có thể tùy tiện sửa đổi kinh văn. Chúng ta xem thấy câu này không thông, chúng ta phải sửa đổi một chút,

bạn đến sửa một chút, họ đến sửa một chút, đến sau cùng bốn kinh này sẽ chẳng còn gì cả! Cho nên không được sửa, cho dù xem thấy bản cổ có chữ sai cũng không thể sửa, mà có thể ghi chú thích bên cạnh như: “*Chữ này có thể là chữ sai*”. Hy vọng đời đời truyền nhau, có thể gìn giữ di sản vốn có của bản kinh, dụng ý ở chỗ này.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã mất thời gian đến mười năm để hội tập (ngày trước hội tập đều không có nhiều thời gian đến như vậy, dụng tâm không có chuyên đến như vậy, thời gian không có dài như vậy), hơn nữa Hạ lão chính mình công lực tu hành đích thực là Hiền - Mật - Tông giáo đều thông đạt, Ngài không phải là một người bình thường. Lão cư sĩ Mai Quang Hi đã nói rất rõ ràng, giới thiệu rất tường tận trong thiên lời tựa dài đến như vậy, chúng ta phải tin sâu, không nghi.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam cả đời chuyên tâm niệm Phật, hoằng kinh, giảng kinh nói pháp hơn 50 năm, cho nên thầy có thành tựu. Năm xưa (dường như là 48 năm hay 49 năm), thầy nhận được bốn hội tập này, nhất là xem thấy lời tựa của Mai Quang Hy (Mai Quang Hy là lão sư của thầy. Giáo học của lão sư Lý là học với Mai Quang Hy, còn niệm Phật là học với Đại sư Ấn Quang), xem thấy lời tựa của lão sư, đọc được quyển này thì vô lượng hoan hỉ. Bởi vì Mai cư sĩ cùng Hạ lão là bạn bè rất thân, quan hệ của họ rất là mật thiết. Sau khi quyển này truyền đến Đài Trung, lão sư Lý đã giảng qua một lần, làm chú giải đơn giản (gọi là mi chú), đích thân dùng bút lông viết rất chỉnh tề. Quyển này chúng ta đã in ra cúng dường đại chúng, nguyên bản được giữ tại nơi tôi ở, có rất nhiều đồng tu đều thấy qua. Lão sư Lý đem quyển này giao cho tôi, tôi có sứ mạng y theo quyển này mà tu học, hoằng dương mở rộng. Tôi có sứ mạng, tôi có trách nhiệm, cho nên tôi thường nói, dù thiên hạ đều phản đối quyển này, tôi vẫn phải tu theo quyển này, tôi tuyệt đối sẽ không dao động. Trong mười mấy năm gần đây, có rất nhiều người y theo quyển này mà tu hành vắng sanh tướng lành, chúng ta đều xem thấy. Không cần nói đâu xa, chính ở ngay chỗ này, ở Malaysia và những khu vực gần đây, chúng ta xem thấy, người y theo quyển kinh này tu hành vắng sanh tướng lạ. Các vị đồng tu, mọi người xem thấy Lão Lâm Trưởng của Cư Sĩ Lâm chúng ta. Ông chính là y theo quyển này mà tu hành, đã biết trước ngày giờ ra đi trước ba tháng. Vắng sanh với tướng lạ nhiều như vậy, rõ ràng như vậy, việc này ở trong Phật pháp gọi là “*tác chứng chuyên*”, những người này đến để làm chứng minh cho chúng ta. Cho nên, chúng ta không nên nghi hoặc, toàn tâm toàn lực, không có hoài nghi, không có xen tạp, không có gián đoạn.

Chúng ta phải có Tín căn, “*Tín - Tấn - Niệm - Định - Huệ*” phải cắm gốc, thì chúng ta liền có thành tựu. Thế gian cho dù động loạn thế nào, ta không động; nguy cơ càng nhiều, họ nguy, ta không nguy. Sau khi ta chết, ta biết mình đi đến nơi nào, ta rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, ta không có lo lắng, không có khiếp sợ. Đây gọi là “*lý đắc, tâm an*”. Đạo lý không rõ ràng, thì tâm của bạn sẽ chắc chắn không thể định lại. Đạo lý làm được rõ ràng, tường tận thì tự nhiên tâm liền an định. Định thì có thể sanh trí huệ. Huệ có thể thường sanh tâm hoan hỉ, hiểu được làm thế nào đối nhân xử thế tiếp vật, biết được làm thế nào tu hành chứng quả.

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH (tập 65)

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Thời gian: Năm 2001

Cẩn dịch: Viên Đạt cư sĩ, Vọng Tây cư sĩ

Biên tập: Phật tử Diệu Hương, Phật tử Diệu Hiền